**Thứ hai ngày 11 tháng 10 năm 2021**

***Tập đọc***

**SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ A-PÁC-THAI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

***-*** Hiểu nội dung: Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi và cuộc đấu tranh đòi bình đẳng của những người da màu. (Trả lời các câu hỏi trong SGK) .

***-*** Đọc đúng các từ phiên âm tiếng nước ngoài và các số liệu thống kê trong bài.

**2. Năng lực**:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Yêu hoà bình, không phân biệt giàu nghèo, mọi người đều bình đẳng.

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng dạy học**

- GV: + Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, sưu tầm thêm tranh về nạn phân biệt chủng tộc

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: SGK, vở viết,...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - Lớp phó học tập lên kiểm tra bài cũ  + Học sinh thi đọc và trả lời câu hỏi  - Lớp nhận xét  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV đánh giá, nhận xét.  -Giới thiệu bài- Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (12 phút)** | |
| - Chế độ phân biệt chủng tộc, chế độ đối xử bất công với người da đen và da màu.  - HS theo dõi.  - Học sinh đọc, chia đoạn:  + Đoạn 1: *Nam Phi … tên gọi A-pác-thai.*  + Đoạn 2: *ở nước này…dân chủ nào.*  + Đoạn 3: *còn lại*  - Lớp trưởng điều khiển:  - Học sinh nối tiếp đọc bài lần 1, kết hợp luyện đọc từ khó.  + A-pác-thai, Nen-xơn Man-đê-la  - Học sinh nối tiếp đọc bài lần 2, kết hợp luyện đọc câu khó.  - Học sinh đọc chú giải.  - Học sinh luyện đọc theo cặp  - 1 học sinh đọc toàn bài.  - HS theo dõi. | - Giải thích chế độ A-pác-thai.  - GV giới thiệu ảnh cựu tổng thống Nam Phi Nen-xơn Man-đê-la và tranh minh hoạ trong bài.  - Giới thiệu về Nam Phi.  - Gọi HS đọc toàn bài, chia đoạn  - GV nhận xét, đánh giá  - Giao nhiệm vụ cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm luyện đọc các từ khó và tìm hiểu nghĩa của các từ chú giải sau đó báo cáo với giáo viên.  - Yêu cầu HS đọc theo cặp.  - Gọi HS đọc toàn bài.  - GV đọc toàn bài |
| **3. Hoạt động thực hành: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm trả lời câu hỏi rồi báo cáo kết quả:  + Một nước ở châu Phi. Đất nước có nhiều vàng, kim cương, nổi tiếng về nạn phân biệt chủng tộc.  + ...công việc nặng nhọc, bẩn thỉu, lương thấp sống chữa bệnh làm việc khu riêng không được hưởng tự do, dân chủ.  + Đứng lên đòi quyền bình đẳng cuộc đấu tranh được nhiều người ủng hộ và giành được chiến thắng.  + Vì họ không chấp nhận chính sách phân biệt chủng tộc dã man tàn bạo này  - Vì người dân nào cũng có quyền bình đẳng như nhau cho dù khác nhau ngôn ngữ, màu da.  - Vì đây là chế độ phân biệt xấu xa nhất cần xoá bỏ.  - Học sinh nêu.  - Phản đối chế độ phân biệt chủng tộc, ca ngợi cuộc đấu tranh của người da đen ở Nam Phi.  - HS nghe | - GV giao nhiệm vụ: Đọc nội dung bài rồi trả lời các câu hỏi trong SGK sau đó báo cáo, chia sẻ trước lớp:  + Bạn biết gì về Nam Phi?  + Dưới chế độ A-pác-thai người da đen bị đối xử như thế nào?  + Người dân Nam Phi làm gì để xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc?  - Theo bạn, vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai được đông đảo người ủng hộ?  - Nêu điều mình biết về Nen-xơn Ma-đê-la ?  - Nêu ý chính của bài  - KL: Dưới chế độ a-pác-thai người da đen bị khinh miệt, đối xử tàn nhẫn không có quyền tự do, bị coi như công cụ biết nói; bị mua đi bán lại ngoài đường như hàng hoá. |
| **Luyện đọc hay (6 phút)** | |
| - 3 học sinh đọc nối tiếp bài.  - 1 học sinh nêu giọng đọc cả bài  - Học sinh theo dõi giáo viên đọc.  - Luyện đọc theo cặp.  - HS thi đọc  - 3 em đọc thi. Lớp theo dõi chọn giọng hay. | - Gọi HS đọc nối tiếp.  - Mời nếu giọng đọc của bài  - Tổ chức cho học sinh đọc diễn cảm đoạn 3.  - GV đọc mẫu.  - Luyện đọc diễn cảm theo cặp.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét, tuyên dương |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2phút)** | |
| - HS nêu | -Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong bài tập đọc này  - Nhận xét tiết dạy |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Chính tả***

**NHỚ VIẾT : Ê-MI-LI, CON...**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhớ - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng hình thức thơ tự do.

***-*** Nhận biết được các tiếng chứa ưa, ươ và cách ghi dấu thanh theo yêu cầu của BT2; tìm được tiếng chứa ưa, ươ thích hợp trong 2, 3 câu thành ngữ, tục ngữ ở BT3.

***-***Bồi dưỡng quy tắc chính tả.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV:Viết sẵn bài tập 2 trên bảng (2 bản). Phấn mầu.

- HS: SGK, vở viét

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(4 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - Tổ chức trò chơi thi viết một số tiếng có nguyên âm đôi *uô/ ua.*  + Học sinh chia thành 2 đội thi viết.*.* Đội nào viết được nhiều hơn và đúng thì đội đó thắng.  - HS nghe  - HS nêu  - Lắng nghe  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - Giáo viên nhận xét  - Em có nhận xét gì về cách ghi dấu thanh ở các tiếng trên bảng  - GV nhận xét - đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:** | |
| **2.1. Chuẩn bị viết chính tả:(5 phút)**  - 3 HS đọc thuộc lòng đoạn thơ cần viết.  - Chú muốn nói với Ê-mi-li về nói với mẹ rằng cha đi vui, xin mẹ đừng buồn.  - Học sinh nêu: *Ê-mi-li, sáng bừng, ngọn lửa nói giùm, Oa-sinh-tơn, hoàng hôn sáng loà...*  - 1 Học sinh viết bảng, lớp viết nháp. | ***-*** Yêu cầu HS đọc thuộc lòng đoạn thơ.  - Chú Mo-ri-xơn nói với con điều gì khi từ biệt?  - Đoạn thơ có từ nào khó viết?  - Yêu cầu học sinh đọc và tự viết từ khó. |
| **2.2. HĐ viết bài chính tả. *(15 phút)*** | |
| - Học sinh tự viết bài.  - HS đổi vở cho nhau và soát lỗi. | - GV nhắc nhở học sinh viết  - GV yêu cầu HS tự soát lỗi |
| **2.3. HĐ chấm và nhận xét bài *(3 phút)*** | |
| - Học sinh thu vở  - HS theo dõi. | - GV chấm 3-5bài.  - Nhận xét bài viết của HS |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(6 phút)*** | |
| - 1 HS đọc thành tiếng cho cả lớp nghe.  - 2 HS lên bảng làm bài, lớp làm vở  - Các tiếng chứa ***ươ*** : *tưởng, nước, tươi, ngược.*  - Các tiếng có chứa *ưa*: *lưa, thưa, mưa, giữa.*  - Nhận xét  - Các tiếng *lưa, thưa, mưa*: mang thanh ngang .  *giữa*: dấu thanh đặt ở chữ cái đầu của âm chính.  - Các tiếng *tương, nước, ngược* dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 của âm chính.  Tiếng "*tươi*" mang thanh ngang. - Lắng nghe  - HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận nhóm đôi, làm bài  - Các nhóm trình bày, mỗi nhóm 1 câu  + Lửa thử vàng, gian nan thử sức (khó khăn là điều kiện thử thách và rèn luyện con người)  - Lắngnghe  - 2 học sinh đọc thuộc lòng  - HS theo dõi. | **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu học sinh đọc bài tập.  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - Mời chia sẻ, nhận xét.  - Em hãy nhận xét về cách ghi dấu thanh ở các tiếng ấy?  - GV kết luận về cách ghi dấu thanh trong các tiếng có nguyên âm đôi ***ưa/ươ***  **Bài 3: HĐ cặp đôi**  - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu học sinh làm bài tập theo cặp.  - GV gợi ý:  + Đọc kỹ các câu thành ngữ, tục ngữ.  + Tìm tiếng còn thiếu.  + Tìm hiểu nghĩa của từng câu.  - GV nhận xét  - Yêu cầu HS học thuộc lòng các câu tục ngữ, thành ngữ.  - GV nhận xét, đánh giá. |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu  - Lắng nghe | - Cho HS nêu lại quy tắc đánh dấu thanh của các từ: ***Trước, người, lướt, đứa, nướng, người, lựa, nướng.***  - Nhận xét tiết dạy |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

***1.* Kiến thức:**

**-** Biết tên gọi, kí hiệu và mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích.

*-* Biết chuyển đổi các đơn vị đo diện tích, so sánh các số đo diện tích và giải các bài toán có liên quan.

*-* HS cả lớp hoàn thành bài 1a( 2 số đo đầu ), bài 1b (2 số đo đầu), bài 2, bài 3(cột 1), bài 4.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**Đồ dùng dạy học**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS: SGK, bảng con, vở...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng tổ chức trò chơi "Bắn tên" với các phép toán sau:  6cm2 = ….mm2  30km2 = …hm2  8m2 = …..cm2  200mm2 = …cm2  4000dm2 = ….m2  34 000hm2 = …km2  - Lắng nghe  - Học sinh ghi vở | - Quan sát, theo dõi  \  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (25 phút)** | |
| - HS đọc đề bài.  - Quan sát  - Học sinh thảo luận và nêu cách đổi  6m235dm2 = 6m2+  - Học sinh lắng nghe  - HS làm bài, chia sẻ ,đổi vở để kiểm tra chéo  - Học sinh đọc yêu cầu, lớp lắng nghe.  - Học sinh thực hiện đổi, chọn đáp án cho phù hợp, chia sẻ trước lớp  - Đáp án B đúng vì :  3cm25mm2 = 300mm2 + 5mm2 = 305mm2.  - So sánh các số đo rồi viết dấu thích hợp vào....  - Chúng ta phải đổi về cùng đơn vị đo rồi mới so sánh.  - HS làm vở  2dm27cm2 = 207cm2  - Ta có 2dm27cm2 = 200cm2+7cm2  = 207cm2  Vậy: 2dm27cm2 = 207cm2  300mm2 > 2cm289mm2= 289mm2  3m248dm2 < 4m2  348dm2 <400dm2  61km2 > 620hm2  6100hm2  > 610hm2  - 1 học sinh đọc đề, lớp đọc thầm.  - HS làm bài cá nhân, 1 HS làm bảng, chia sẻ kết quả  *Giải*  Diện tích của một viên gạch là:  40 x 40 = 1600 (cm2)  Diện tích của một căn phòng là:  1600 x 150 = 240.000 (cm2)  240.000 (cm2) = 24m2  Đáp số: 24m2 | **Bài 1a,b**: **HĐ cặp đôi**  - GV viết bài mẫu lên bảng.  - Yêu cầu học sinh nêu cách đổi.  - GV giảng lại cách đổi cho học sinh.  - Yêu cầu HS làm bài tập theo cặp  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi học sinh đọc bài.  - Hướng dẫn học sinh tự làm bài.  - Đáp án nào đúng? Vì sao?  - GV nhận xét phần trả lời của học sinh  **Bài 3(** cột 1): **HĐ cả lớp**  - Nêu yêu cầu của đề bài?  - Để so sánh các số đo diện tích chúng  ta phải làm gì?  - Yêu cầu học sinh làm bài.  - GV yêu cầu học sinh giải thích làm.  - GV nhận xét  **Bài 4: HĐ cá nhân**  - Gọi học sinh đọc đề.  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - GV nhận xét. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (5 phút)** | |
| - HS vận dụng để tính diện tích phòng học | - Yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học***

**DÙNG THUỐC AN TOÀN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Nhận thức được sự cần thiết phải dùng thuốc an toàn

***-*** Xác định khi nào nên dùng thuốc.

- Nêu những điểm cần chú ý khi dùng thuốc và khi mua thuốc.

***-*** Dùng thuốc an toàn, đúng cách

- Kĩ năng tự phản ánh kinh nghiệm bản thân về cách sử dụng một số loại thuốc thông dụng.

- Kĩ năng xử lí thông tin, phân tích, đối chiếu để dúng thuốc đúng cách, đúng liều, an toàn.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**-** Giáo viên:Những vỏ thuốc thường gặp Amiixilin, Pênixilin...

+ Phiếu ghi sẵn từng câu hỏi và câu trả lời tách rời cho hoạt động 2, các tấm thẻ, giấy khổ to, bút dạ.

**+** Các đoạn thông tin + hình vẽ trong SGK trang 24 , 25

- Học sinh: Sưu tầm các vỏ hộp, lọ thuốc.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển  - HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" trả lời câu hỏi:  + Nêu tác hại của thuốc lá?  + Nêu tác hại của rượu bia?  **+** Nêu tác hại của ma túy ?  - HS khác nhận xét  - HS ghi vở | - GV nhận xét  **- Bài mới:** Dùng thuốc an toàn |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (27 phút)** | |
| - Đại diện các nhóm lên đóng vai  *+ Mẹ: Chào Bác sĩ*  *+ Bác sĩ: Con chị bị sao?*  *+ Mẹ: Tối qua cháu kêu đau bụng*  *+ Bác sĩ: Há miệng ra để Bác sĩ khám nào... Họng cháu sưng và đỏ. Chị đã cho cháu uống thuốc gì rồi?*  *+ Mẹ: Dạ tôi cho cháu uống thuốc bổ*  *+Bác sĩ: Họng sưng thế này chị cho cháu uống thuốc bổ là sai rồi. Phải uống kháng sinh mới khỏi được.*  - Đặt câu hỏi và mời trả lời về nội dung câu chuyện.  - HS trả lời  - Thuốc bổ: B12, B6, A, B, D...  - Lắng nghe  - HS nêu kết quả  1 – d ; 2 - c ; 3 - a ; 4 - b  - Lắng nghe  - Hoạt động lớp  - HS trình bày sản phẩm của mình  - Lớp nhận xét  - Chọn thức ăn chứa vi-ta-min  - Không nên tiêm thuốc kháng sinh nếu có thuốc uống cùng loại  - HS nghe | ***\* Hoạt động 1:*** *Trò chơi sắm vai: "Em làm Bác sĩ"*  - GV cho HS chơi trò chơi “Bác sĩ” theo kịch bản chuẩn bị  - GV hỏi:  + Em đã dùng thuốc bao giờ chưa và dùng trong trường hợp nào ?  + Hãy kể một vài thuốc bổ mà em biết?  - GV giảng : Khi bị bệnh, chúng ta cần dùng thuốc để chữa trị. Tuy nhiên, nếu sử dụng thuốc không đúng có thể làm bệnh nặng hơn, thậm chí có thể gây chết người  ***\* Hoạt động 2:*** Thực hành làm bài tập trong SGK *(Xác định khi nào dùng thuốc và tác hại của việc dùng thuốc không đúng cách, không đúng liều lượng)*  - Bước 1 : Làm việc cá nhân  - GV yêu cầu HS làm BT Tr 24 SGK  - Bước 2 : Sửa bài  - GV chỉ định HS nêu kết quả  - GV kết luận :  + Chỉ dùng thuốc khi thật cần thiết, dùng đúng thuốc, đúng cách, đúng liều lượng. Cần dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ, đặc biệt là thuốc kháng sinh .  + Khi mua thuốc cần đọc kĩ thông tin in trên vỏ đựng bản hướng dẫn kèm theo để biết hạn sử dụng, nơi sản xuất, tác dụng và cách dùng thuốc .  - GV cho HS xem một số vỏ đựng và bản hướng dẫn sử dụng thuốc  ***\* Hoạt động 3:*** *Tìm hiểu cách sử dụng thuốc an toàn và tận dụng giá trị dinh dưỡng của thức ăn*  *Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”*  - GV nêu luật chơi: 3 nhóm đi siêu thị chọn thức ăn chứa nhiều vi-ta-min, 3 nhóm đi nhà thuốc chọn vi-ta-min dạng tiêm và dạng uống?  - GV nhận xét - chốt  - GV hỏi:  **+** Vậy vi-ta-min ở dạng thức ăn, vi-ta-min ở dạng tiêm, uống chúng ta nên chọn loại nào?  **+** Theo em thuốc uống, thuốc tiêm ta nên chọn cách nào?  - GV chốt - ghi bảng  - GV nhắc nhở HS: ăn uống đầy đủ các chất chúng ta không nên dùng vi-ta-min dạng uống và tiêm vì vi-ta-min tự nhiên không có tác dụng phụ. |
|  |
| **3. Hoạt động vận dụng:(3 phút)** |  |
| - HS nêu | - Gia đình em sử dụng thuốc kháng sinh như thế nào ? |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 12 tháng 10 năm 2021**

***Luyện từ và câu***

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: HỮU NGHỊ - HỢP TÁC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được nghĩa các từ có tiếng hữu, tiếng hợp và biết xếp các nhóm thích hợp theo yêu cầu của BT1,BT2.

**-** Biết đặt câu với 1 từ, 1 thành ngữ theo yêu cầu BT3, BT4.

***-*** HSHTT: đặt được 2,3 câu với 2, 3 thành ngữ ở BT4

***-*** Biết sử dụng vốn từ để làm các bài tập

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt**.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng lớp viết nội dung bài tập. Từ điển học sinh

- HS : SGK, vở viết

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - LT điều khiển cả lớp hát  - HS thi đặt câu phân biệt từ đồng âm.  - Nhận xét  - Học sinh lắng nghe  - HS ghi vở | - Quan sát  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| - 2 HS đọc yêu cầu nội dung bài.  - HS thảo luận nhóm làm bài.  - Đại diện nhóm chia sẻ, nhóm khác nhận xét  + "*Hữu*" có nghĩa là *bạn bè*: hữu nghị, chiến hữu, thân hữu, hữu hảo, bằng hữu, bạn hữu.  + "*Hữu*" có nghĩa là "*có*": hữu ích, hữu hiệu, hữu tình, hữu dụng.  - Mỗi em giải nghĩa từ  - HS đọc yêu cầu và nội dung.  - HS làm bài cặp đôi  + "*Hợp*" Có nghĩa là gộp lại (thành lớn hơn) : hợp tác, hợp nhất, hợp lực.  + "*Hợp*" có nghĩa là đúng với yêu cầu đòi hỏi nào đó : hợp tình, phù hợp, hợp thời, hợp lệ, hợp pháp, lớp lí, thích hợp.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm bài  - HS nối tiếp nhau đặt câu.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thảo luận nhóm 4.  + *Bốn biển một nhà*: Người khắp nơi đoàn kết như người trong một gia đình thống nhất một mối.  + *Kề vai sát cánh*: Đồng tâm hợp lực cùng chia sẻ gian nan giữa người cùng chung sức gánh vác một công việc quan trọng.  **+** *Chung lưng đấu cật*: Hợp sức nhau lại để cùng gánh vác, giải quyết công việc  - HS đặt câu với các thành ngữ vào vở.  - 1 số HS đọc câu vừa đặt. | **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để làm bài tập.  - Yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả làm bài  - GV nhận xét chữa bài  - Yêu cầu HS giải thích nghĩa của từ:  **Bài 2: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Tổ chức cho HS làm bài như bài 1.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu mỗi HS đặt 5 câu vào vở.  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 4: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Chia nhóm HS thảo luận tìm nghĩa của thành ngữ, đặt câu có thành ngữ đó?    - Yêu cầu HS đặt câu với các thành ngữ  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu  + *Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.*  *+ Chia ngọt sẻ bùi.*  *+ Đồng cam cộng khổ* | *.*- Tìm thành ngữ nói về tinh thần hữu nghị hợp tác. - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kể chuyện***

**LUYỆN TẬP KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:**

***-*** Biết trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

***-*** Kể lại đư­ợc câu chuyện đã nghe, đã đọc ca ngợi hoà bình, chống chiến tranh.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Chăm chú nghe bạn kể, nhận xét được lời kể của bạn.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Sách, báo, truyện gắn với chủ điểm hoà bình.

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:  (5 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS thi kể lại câu chuyện về ca ngợi hòa bình chống chiến tranh và nêu ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét.  - Lắng nghe   - HS ghi vở | - Lắng nghe  - Nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới: (7 phút)** | |
| - HS đọc đề bài          - HS nối tiếp nhau kể .VD:  + Anh bộ đội cụ Hồ gốc Bỉ.  + Những con sếu bằng giấy; …  - HS nghe  - HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể | - Gọi HS đọc đề  - GV gạch chân những từ trọng tâm ca ngợi hòa bình, chống chiến tranh.  ***Đề bài:*** Kể một câu chuyện em đã nghe, đã đọc ca ngợi hoà bình chống chiến tranh.  - Kể tên một số câu chuyện các em đã đọc ?  - GV nhắc HS một số câu chuyện các em đã học về đề tài này và khuyến khích HS tìm những câu chuyện ngoài SGK  - Gọi HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể |
| **3. Hoạt động thực hành: (20 phút)** | |
| - HS  kể theo cặp  - Thi kể chuyện trước lớp  - Bình chọn  bạn kể chuyện tự nhiên nhất, bạn có câu hỏi hay nhất, bạn có câu chuyện hay nhất.  - Trao đổi và nói ý nghĩa câu chuyện. | - Yêu cầu HS luyện kể theo nhóm đôi   - Cho HS thi kể chuyện trước lớp  - Cho HS bình chọn bạn kể hay nhất       - Trao đổi về ý nghĩa câu chuyện  - Nhận xét |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS nêu  - Lắng nghe | - Em hãy nêu suy nghĩ của bản thân khi nghe câu chuyện trên ?  - Nhận xét tiết học, về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**HÉC TA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đơn vị đo diện tích héc ta.

- Biết quan hệ giữa héc ta và mét vuông .

***-*** Biết chuyển đổi các đơn vị đo diện tích (trong mối quan hệ với héc ta) và vận dụng để giải các bài toán có liên quan.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK, Bảng phụ viết sẵn nội dụng bài tập 1

- HS : SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng"  - HS chia thành 2 đội, mỗi đội 8 bạn thi tiếp sức, đội nào đúng và nhanh hơn thì chiến thắng.  7ha = … m*2* ha = …m2  16ha = …m2 ha = …m2  1km*2* = …ha km2 = …ha  40km*2* = …ha km2 = …ha  - Học sinh ghi vở | - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10 phút)** | |
| - Học sinh lắng nghe  - Học sinh nghe và viết:  1ha = 1hm2  - 1hm2 = 10.000m2  1ha = 10.000 m2  - HS nhắc lại | \* *Giới thiệu về đơn vị đo diện tích ha*  - Thông thường để đo diện tích của một thửa ruộng, 1 khu rừng, ao, hồ... người ta thường dùng đơn vị đo héc ta.  - 1héc ta = 1hm2 và kí hiệu ha.  - 1hm2 = ... m2 ?  - Vậy 1ha = ...m2 ?  - Yêu cầu học sinh nhắc lại |
| **3. Hoạt động thực hành: (20 phút)** | |
| - HS nêu đề bài.  - Cả lớp làm vở, chia sẻ kết quả trước lớp  4ha = 40 000m2 km2 = 75ha  800 000m2 = 80ha  - Nhận xét  - Lắng nghe,chữa bài  - Học sinh đọc đề.  - Lớp làm vào vở , báo cáo kết quả  22 200ha = 222km2  Vậy diện tích rừng Cúc Phương là 222km2  - 1 Học sinh đọc, cả lớp lắng nghe.  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận tìm ra cách làm sau đó làm bài, báo cáo kết quả trước lớp  **S**  a) 85km2 < 850ha  **Đ**  + 51ha > 60.000m2  + 4dm27cm2 = 4dm2  **S** | **Bài 1a,b: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - GV nhận xét chữa bài.  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu học sinh tự làm bài tập.  - GV nhận xét chữa bài    **Bài 3: HĐ nhóm**  - Gọi học sinh đọc đề bài.  - Cho HS thảo luận tìm ra cách làm  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - HS nêu diện tích theo đơn vị héc-ta | - GV nêu ví dụ vài diện tích thực tế  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Lịch sử***

**QUYẾT CHÍ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết ngày 5-6-1911 tại bến Nhà Rồng (TP Hồ Chí Minh), với lòng yêu nước thương dân sâu sắc, Nguyễn Tất Thành ( tên của Bác Hồ lúc đó) ra đi tìm đường cứu nước .

- HS HTT: Biết vì sao Nguyễn Tất Thành lại quyết định ra đi tìm con đường mới để cứu nước : không tán thành con đường cứu nước của các nhà yêu nước trước đó .

***-*** Nêu sự kiện ngày 5- 6- 1911 tại bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

***-*** Giáo dục lòng kính yêu Bác Hồ.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động

- Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước

- HS yêu thích môn học lịch sử

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng dạy học:**

- GV:

+ Bản đồ hành chính Việt Nam.

+ Ảnh phong cảnh quê hương Bác, Bến cảng Nhà Rồng đầu thế kỉ XX.

- HS: SGK, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi:  + Bạn biết gì về Phan Bội Châu ?  + Hãy thuật lại phong trào Đông Du?  + Vì sao phong trào Đông Du thất bại?  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút)** | |
| - HĐ cặp đôi, 2 bạn thảo luận và TLCH  Sau đó báo cáo kết quả  - Nguyễn Tất Thành sinh ngày 19/5/1890 tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cha là Nguyễn Sinh Sắc một nhà nho yêu nước. Mẹ là Hoàng Thị Loan một phụ nữ đảm đang, chăm lo cho chồng con hết mực.  - HĐ cả lớp  - Để tìm con đường cứu nước cho phù hợp.  - HĐ nhóm 4: Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài và TLCH sau đó chia sẻ trước lớp  - Ở nước ngoài một mình là rất mạo hiểm, nhất là lúc ốm đau. Bên cạnh đó người cũng không có tiền.  - Anh làm phụ bếp trên tàu, một công việc nặng nhọc.  - Ngày 5/6/1911. Với cái tên Văn Ba đã ra đi tìm đường cứu nước mới trên tàu Đô đốc La- tu- sơ Tờ- rê- vin.  - Học sinh quan sát và xác định.  - Học sinh nối tiếp đọc. | ***\*Hoạt động 1:*** *Quê hương và thời niên thiếu của Nguyễn Tất Thành.*  - Nêu 1 số nét chính về quê hương và thời niên thiếu của Nguyễn Tất Thành?  - GV nhận xét, kết luận  ***\*Hoạt động2:*** *Mục đích ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành.*  - Mục đích ra nước ngoài của Nguyễn Tất Thành là gì?  ***\*Hoạt động 3:*** *Ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành.*  - Yêu cầu hoạt động nhóm 4, thảo luận, chia sẻ, trả lời câu hỏi:  - Anh lường trước những khó khăn gì khi ở nước ngoài?  - Anh làm thế nào để có thể kiếm sống và đi ra nước ngoài?  - Anh ra đi từ đầu? Trên con tàu nào, vào ngày nào?  - Giáo viên cho học sinh quan sát và xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ.  - Giáo viên nhận xét chốt lại nội dung |
| **3. Hoạt động vận dụng:** (5 phút) | |
| - HS nêu | - Qua bài học, em học tập được điều gì từ Bác Hồ ?  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 13 tháng 10 năm 2021**

***Tập đọc***

**TÁC PHẨM CỦA SI - LE VÀ TÊN PHÁT XÍT**

**I. MỤC TIÊUl**

**1. Kiến thức:**

***-*** Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Cụ già người Pháp đã dạy cho tên sĩ quan Đức hống hách một bài học sâu sắc ( Trả lời được các câu hỏi 1,2,3 ).

***-*** Đọc đúng các tên người nước ngoài trong bài(Si-le, Pa-ri, …);bước đầu đọc diễn cảm được bài văn phù hợp với nội dung câu chuyện và tính cách nhân vật.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Cảm phục, biết ơn những con người dũng cảm chống lại kẻ xâm lược.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: + Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

+ Bảng phụ viết sẵn 1 đoạn văn hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm**.**

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển cả lớp hát  - Học sinh tổ chức thi đọc bài “Sự sụp đổ của chế độ A-pác-thai” và trả lời câu hỏi.  - HS thi đọc và TLCH.  - HS lắng nghe  - HS ghi vở | - Quan sát  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (10 phút)** | |
| - Học sinh quan sát tranh SGK.  - Lớp trưởng điều khiển  - 1HS đọc bài, chia đoạn:  + Đoạn 1: Từ đầu…chào ngài.  + Đoạn 2: tiếp…điềm đạm trả lời.  + Đoạn 3: còn lại.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc bài:  + Học sinh nối tiếp nhau đọc 3 đoạn lần 1 + luyện đọc từ khó  - Học sinh nối tiếp nhau đọc 3 đoạn lần 2 + giải nghĩa từ  - HS đọc theo cặp  - 1HS đọc toàn bài  - HS nghe | - Giáo viên giới thiệu về Si- le và ảnh của ông.  - Đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm  - Đọc theo cặp  - Đọc toàn bài  - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài. |
| **3. Hoạt động Thực hành: (10 phút)** | |
| - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm đọc bài, TLCH rồi cử đại diện chia sẻ trước lớp.  - Vì ông đáp lại lời hắn 1 cách lạnh lùng. Hắn càng bực tức khi tiếng Đức thành thạo đến mức đọc được truyện của nhà văn Đức.  - Cụ già đánh giá Si- le là 1 nhà văn quốc tế.  - Ông cụ thông thạo tiếng Đức, ngưỡng mộ nhà văn Đức Si- le nhưng căm ghét những tên phát xít Đức xâm lược. Ôn cụ không ghét người Đức và tiếng Đức mà chỉ căm ghét những tên phát xít Đức xâm lược.  - Si- le xem các người là kẻ cướp. Các người là bọn cướp. Các người không xứng đáng với Si- le.  - Học sinh đọc lại phần nội dung.  - Học sinh đọc lại | - Cho HS đọc bài, thảo luận nhóm TLCH, chia sẻ trước lớp  1. Vì sao tên sĩ quan Đức có thái độ bực tức với ông cụ người Pháp.  2. Nhà văn Đức Si- le được ông cụ người Pháp đánh giá như thế nào?  3. Em hiểu thái độ của ông cụ đối với người Đức và tiếng Đức như thế nào?  4. Lời đáp của ông cụ ở cuối truyện ngụ ý gì?  - Giáo viên tiểu kết rút ra nội dung bài |
| **Luyện đọc hay (8phút)** | |
| - 1 HS đọc toàn bài nêu giọng đọc của bài  - HS theo dõi  - HS đọc theo cặp  - Học sinh thi đọc diễn cảm. | - Mời 1HS đọc  - Giáo viên chọn đoạn từ *“Nhận thấy .... đến hết bài”* và hướng dẫn luyện đọc  - Cho HS luyện đọc theo cặp  - Chú ý đọc đúng lời ông cụ  - Nhận xét |
| **4. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - HS nêu | - Em học tập được điều gì từ cụ già trong bài tập đọc trên ?  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tập làm văn***

**LUYỆN TẬP LÀM ĐƠN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết một lá đơn cần phải đúng quy định về thể thức, đủ nội dung cần thiết, trình bày lí do, nguyện vọng rõ ràng.

***-*** Viết được một lá đơn đúng quy định về thể thức, đủ nội dung cần thiết, trình bày lí do, nguyện vọng rõ ràng.

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức và trách nhiệm khi làm đơn và làm đơn đúng mẫu.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: + Một số tranh ảnh về thảm hoạ mà chất độc màu da cam gây ra.

+ Viết ra những điều chú ý trên bảng lớp SGK

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - 2 HS đọc lại đoạn văn đã viết  - HS nghe  - HS ghi vở | - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| - HS đọc bài văn: “Thần chết mang tên bày sắc cầu vồng”  - Chất độc đựng trong thùng chứa có  đánh dấu phân biệt bằng màu da cam.  - Các nhóm thảo luận - trình bày  + Phá huỷ 2 triệu héc ta rừng làm xói mòn và khô cằn đất, diệt chủng nhiều loài muông thú gây ra những bệnh nguy hiểm cho người nhiễm độc và con cái của họ: ung thư cột sống, thần kinh, tiểu đường, quái thai, dị tật bẩm sinh. Hiện nay có khoảng 70.000 người lớn và 200.000 đến 300.000 người là nạn nhân của chất độc màu da cam.  + Động viên, thăm hỏi, giúp đỡ về vật chất, sáng tác thơ, truyện vẽ tranh động viên họ  + Con cháu của các chú bộ đội bị nhiễm chất độc màu da cam. Cuộc sống của họ vô cùng khó khăn về vật chất, tinh thần. Có em bị dị dạng, liệt, có người cả đời chỉ nằm la hét, thần kinh.  + Ủng hộ vật chất, ký tên ủng hộ vụ kiện Mỹ của các nạn nhân chất độc màu da cam trường em đã tham gia.  - Đơn xin gia nhập đội tình nguyện...da cam.  - Kính gửi BCH Hội chữ thập đỏ xã...  - Sau khi tìm hiểu nội dung, cách thức hoạt động, em thấy việc làm của Đội thiết thực và nhiều ý nghĩa. Em thấy mình có thể tham gia tốt các hoạt động của Đội, em viết đơn bày tỏ nguyện vọng muốn được là thành viên của Đội đóng góp vào việc xoa dịu nỗi đau... da cam.  - HS viết đơn theo yêu cầu.  - 5 em đọc đơn trước lớp. | **Bài 1: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung bài  - Chất độc màu da cam là gì ?  - Yêu cầu HS TL nhóm đôi để TLCH:  + Chất độc màu da cam gây ra những hậu quả gì cho con người ?  + Chúng ta cần làm gì để giảm bớt nỗi đau cho những nạn nhân chất độc màu da cam?  + Địa phương em có người bị nhiễm chất độc màu da cam không ? Cuộc  sống của họ ra sao?  + Em biết tham gia phong trào nào để giúp đỡ, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam?  - GV tóm tắt kết luận  **Bài 2**: **HĐ cá nhân**  - Hãy đọc tên đơn em sẽ viết ?  - Nơi nhận đơn em viết gì ?  - Phần lý do viết đơn em viết gì ?  - Yêu cầu HS viết đơn  - Lưu ý HS phần lý do viết đơn trọng tâm phải nêu bật sự đồng tình của mình với hoạt động đội tình nguyện.  - Gọi HS đọc bài.  - GV nhận xét. |
| **3. Hoạt động vận dụng:(5 phút)** | |
| - HS nêu | - Nêu các nội dung cần có của một lá đơn?  - Nhận xét tiết học  - Về nhà luyện viết Đơn xin nghỉ học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết tên gọi, kí hiệu và mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích đã học .Vận dụng để chuyển đổi ,so sánh số đo diện tích

**-** Giải các bài toán có liên quan đến diện tích.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, Bảng phụ viết sẵn nội dụng bài tập 1

- HS : SGK, bảng con...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS tổ chức thi đua làm bài:  4m2 69dm2 ….. 4m2 69dm2  280dm2 …….28 km2  1m2 8dm2 …...18 dm2  6cm2 8 mm2….. cm2  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - Học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả  a) 5ha = 50000 m2  2km2 = 2000000m2  b) 400dm2 = 4m2  1500dm2 = 15m2; 70 000m2 = 7m2  - Học sinh nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm vở, báo cáo, chia sẻ trước lớp  2m2 9dm2 > 29dm2; 790 ha < 79 km2  8dm25cm2 < 810cm2  4cm2 5mm2 = 4cm2  - Học sinh đọc yêu cầu bài toán.  - Học sinh làm vào vở, chia sẻ trước lớp  *Giải*  Diện tích căn phòng là:  6 x 4 = 24 (m2)  Số tiền mua gỗ để lát sàn nhà là:  280 000 x 24 = 6 720 000 (đồng)  Đáp số: 6 720 000 đồng. | **Bài 1(a,b): HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Giáo viên nhận xét chữa bài  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài. Lưu ý HS trước hết phải đổi đơn vị.  - Giáo viên nhận xét chữa bài  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài  - Giáo viên nhận xét, chữa bài. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (5 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cho HS vận dụng làm bài tập sau: *Một khu đất HCN có chiều dài 500m, chiều rộng kém chiều dài 220m. Người ta sử dụng  diện tích khu đất để trồng cây ăn quả, phần đất còn lại để trồng hoa. Hỏi diện tích đất trồng hoa bao nhiêu héc-ta?*  - Nhận xét |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Đạo đức***

**CÓ CHÍ THÌ NÊN (Tiết 2 )**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Cảm phục và noi theo những gương có ý chí vượt lên những khó khăn trong cuộc sống để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

***-*** Xác định được thuận lợi, khó khăn trong cuộc sống của bản thân và biết lập kế hoạch vượt khó khăn.

***-*** Có ý chí vươn lên trong cuộc sống và học tập

**2. Năng lực*:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:**. Trung thực trong học tập và cuộc sống. Có ý chí vượt khó.

**II. CHUẨN BỊ:**

**Đồ dùng dạy học**

- Giáo viên: SGK, một số mẩu chuyện về tấm gương vượt khó.

- Học sinh: SGK, vở Ghi đầu bài

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** |  |
| - Lớp trưởng điều khiển cho cả lớp hát  - 2 HS nêu ghi nhớ đã học tiết trước.  - HS nghe  - HS ghi vở | - HS đọc ghi nhớ  - Nhận xét.  - Giới thiệu bài, ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - Lớp trưởng điều khiển  - HS hoạt động theo nhóm 4.  - Đại diện nhóm lên trình bày kết quả.  + Các bạn đã khắc phục những khó khăn của mình, không ngừng học tập vươn lên.  + Là biết khắc phục khó khăn, tiếp tục phấn đấu và học tập, không chịu lùi bước để đạt được kết quả tốt.  + Giúp ta tự tin hơn trong cuộc sống, học tập và được mọi người yêu mến, cảm phục.  - HS trao đổi cả lớp.  - HS tự phân tích những khó khăn của bản thân theo mẫu trong SGK.  - Từng HS trao đổi những khó khăn của mình với nhóm.  - Mỗi nhóm chọn 2- 3 bạn có nhiều khó khăn hơn trình bày trước lớp.  - HS nghe | **HĐ1:** Giao nhiệm vụlàm việc theo nhóm, thảo luận, chia sẻ, báo cáo với GV (BT 3)  - Hướng dẫn HS trao đổi:  + Khi gặp khó khăn trong học tập, cuộc sống, các bạn đó đã làm gì?  + Thế nào là vượt khó trong cuộc sống và học tập?  + Vượt khó trong cuộc sống và học tập sẽ giúp ta điều gì?  + Trong lớp mình có những bạn nào có khó khăn? Em có thể làm gì để giúp đỡ bạn?  **HĐ2:** Tự liên hệ (BT4)  - Dựa theo mẫu ở SGK, phân tích những khó khăn của bản thân, chia sẻ  - GV kết luận. |
| **3. Hoạt động vận dụng:(5 phút)** | |
| - Nhắc HS về thực hiện vượt khó trong học tập và cuộc sống.  - Sưu tầm những tấm gương vượt khó trong học tập. | - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Kĩ thuật***

**CHUẨN BỊ NẤU ĂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Nêu đựơc những công việc chuẩn bị nấu ăn

***-*** Biết cách thực hiện một số công việc chuẩn bị nấu ăn.

***-*** Có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giúp đỡ gia đình.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Giáo viên:

+ Tranh ảnh một số loại thực phẩm thông thường.

+ Một số rau xanh, củ, quả còn tươi.

+ Dao thái, dao gọt.

+ Phiếu đánh giá kết quả học tập

- Học sinh: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khỏi động: (5 phút)** |  |
| - HS hát  - 5 HS lần lượt nêu tác dụng 5 nhóm dụng cụ nấu ăn.  - Nhận xét  - HS nghe  - HS nghe, ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét việc học bài ở nhà của HS.  - GV giới thiệu-ghi đề bài |
| **2. Hoạt động thực hành: (27 phút)** | |
| - HS thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi  + HS trả lời câu hỏi mục 1 sgk  - HS quan sát nhớ để thực hành cách lựa chọn thực phẩm.  - 2 hs đọc, lớp theo dõi và nêu.  + Trước khi chế biến ta thường bỏ những phần không ăn được và làm sạch.  + HS dựa vào sgk để trả lời  + HS làm việc theo 3 nhóm trả lời 3 câu hỏi. Đại diện trả lời.  - Nhận xét | ***\*Hoạt động 1:*** *Xác định một số công việc chuẩn bị nấu ăn:*  - Yêu cầu hs đọc nội dung sgk và nêu tên các công việc cần chuẩn bị nấu ăn.  - GV nhận xét, tóm tắt nội dung.  ***\* Hoạt động 2:*** *Tìm hiểu cách thực hiện một số công việc chuẩn bị nấu ăn*  - Tìm hiểu cách chọn thực phẩm  + Yêu cầu hs đọc nội dung mục 1; quan sát H.1 sgk để trả lời câu hỏi.  - Mục đích, yêu cầu của việc chọn thực phẩm cho bữa ăn.  - Cách chọn thực phẩm đảm bảo đủ lượng, đủ chất dinh dưỡng cho bữa ăn.  + GV nhận xét và tóm tắt nội dung chính (như sgk)  + Hướng dẫn hs cách chọn thực phẩm thông thường như rau, củ, cá, thịt… qua tranh.  - Tìm hiểu cách sơ chế thực phẩm:  + Hướng dẫn hs đọc nội dung mục 2 sgk  + Nêu mhững công việc thường làm trước khi nấu một món ăn như rau muống, kho thịt.  + GV nhận xét và chốt lại  + Nêu mục đích của việc sơ chế thực phẩm sgk ?  + Ở gia đình em thường sơ chế rau cải như thế nào trước khi nấu?  + Sơ chế rau khác và giống với sơ chế củ, quả?  + Sơ chế cá như thế nào?  - GV nhận xét và tóm tắt theo như nội dung sgk  - GV hướng dẫn hs sơ chế rau đem lên lớp  + Tóm tắt nội dung hoạt động 2. |
| **3. Hoạt động vận dụng: (5 phút)** | |
| - Muốn có bữa ăn ngon , đủ lượng , đủ chất , đảm bảo vệ sinh cần biết cách chọn thực phẩm tươi , ngon và sơ chế thực phẩm . Cách lựa chọn , sơ chế thực phẩm tùy thuộc vào loại thực phẩm và yêu cầu việc chế biến món ăn .  - HS nghe và thực hiện | -H: Muốn có bữa ăn ngon, đủ lượng, đủ chất, đảm bảo vệ sinh ta cần phải làm gì?  - Nhận xét, yêu cầu về nhà thực hành |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 14 tháng 10 năm 2021**

***Luyện từ và câu***

**ÔN MỞ RỘNG VỐN TỪ: HỮU NGHỊ - HỢP TÁC**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố, mở rộng thêm vốn từ về hữu nghị - hợp tác

**2. Năng lực**:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt**.**

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Bảng lớp viết nội dung bài tập. Từ điển học sinh

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)** | |
| - Cả lớp hát.  - HS tổ chức thi tìm các từ chứa tiếng: hữu, hợp  - HS nghe  - HS ghi bảng | - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)** | |
| - Đọc yêu cầu bài.  - HS làm nhóm đôi  - Đại diện trình bày  - Nhận xét  - 1HS đọc  - Thực hiện  - 4HS lên bảng  - Nhận xét  - 1HS đọc yêu cầu  - Lớp làm vở, chia sẻ | **Bài 1**: **HĐ cặp đôi**  - Treo bảng phụ, mời 1HS đọc yêu cầu  Nối từ ngữ ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | (1) Hữu nghị |  | a) dùng được việc | | (2) Hữu ích |  | b) tình cảm thân thiện giữa các nước | | (3) Hữu hiệu |  | c) có ích | | (4) Hữu dụng |  | d) có hiệu quả |   - GV nhận xét chữa bài  **Bài 2**: **HĐ cá nhân**  - Treo bảng phụ, gọi HS đọc yêu cầu  *Chọn từ trong ngoặc điền vào từng chỗ trống cho thích hợp*  (1) Chú Dũng đã tìm được một công việc rất ……………  (2) Anh cần giải quyết mọi việc hợp tình,……………….  (3) Chúng ta phải đồng tâm,………………để xây dựng công ti lớn mạnh  (4) Họ…………..làm ăn với nhau đã được gần một năm nay.  ( hợp tác, hợp lí, phù hợp, hợp lực )  - Yêu cầu làm vào vở  - 4 HS lần lượt lên bảng điền  - Nhận xét,chốt: (***1):phù hợp, (2): hợp lí***  ***(3): hợp lực, (4): hợp tác***  **Bài 3: HĐ cá nhân:**  Tìm thành ngữ, tục ngữ nói về hữu nghị,hợp tác và đặt câu  - Nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng: (2 phút)** | |
| - Lắng nghe, thực hiện | - Nhận xét tiết học  - Về nhà tìm thêm một số câu thành ngữ, tục ngữ nói về tình hữu nghị - hợp tác |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tập làm văn***

**LUYỆN TẬP TẢ CẢNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

*-* Thông qua những đoạn văn hay, học được cách quan sát khi tả cảnh sông nước.

*-* Nhận biết được cách quan sát khi tả trong 2 đoạn văn trích( BT1) .

- Biết lập dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả một cảnh sông nước (BT2) .

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Thích luyện tập tả cảnh. Yêu thích cảnh đẹp làng quê.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm tranh ảnh sông nước, biển, sông, suối, hồ, đầm.

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS đọc  - HS nghe  - Tổ trưởng báo cáo kết quả.  - HS ghi vở | - Cho HS thi đọc bài: Đơn xin gia nhập đội tình nguyện...  - GV nhận xét  - Kiểm tra việc chuẩn bị của HS và ghi chép những điều mình quan sát được.  - Nhận xét việc chuẩn bị của HS  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(28 phút)** | |
| - HS đọc  - HS thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng  - Cảnh biển  - Sự thay đổi màu sắc của mặt biển theo sắc màu của trời mây.  - Biển luôn thay.... mây trời  - Bầu trời và mặt biển khi trời xanh thẳm, rải mây trắng nhạt, bầu trời âm u, mây mưa, ầm ầm dông gió  - Xanh thẳm, thẳm xanh, trắng nhạt, xám xịt, đục ngầu.  - Đến sự thay đổi tâm trạng của con người biển như con người biết buồn vui, lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi hả hê, lúc đăm chiêu gắt gỏng.  - Từ hình ảnh này nghĩ đến hình ảnh khác.  - Con kênh.  - Từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn: buổi sáng, trưa, trời chiều  - Thị giác  - Ánh nắng như đổ lửa, bốn phía chân trời trống huếch, trống hoác, buổi sáng: con kênh phơn phớt màu đào, trưa: dòng thuỷ ngân cuồn cuộn loá mắt, chiều: một son suối lửa.  - Con kênh được mặt trời làm nó sinh động hơn.  - HS đọc đề bài.  - HS làm vở, 1 em làm bảng nhóm.  - HS trình bày kết quả | **Bài 1: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Chia nhóm 4 : Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  - Đoạn a nhà văn Vũ Tú Nam miêu tả cảnh sông nước nào ?  - Đoạn văn tả đặc điểm gì của biển ?  - Câu nào cho biết điều đó ?  - Để tả đặc điểm đó tác giả đã quán sát gì và vào thời điểm nào ?  - Tác giả sử dụng sắc màu nào để miêu tả  - Khi quan sát, tác giả có liên tưởng thú vị nào ?  - Liên tưởng là gì ?  - **KL:** *Trong miêu tả nghệ thuật liên tưởng được sử dụng hiệu quả. Liên tưởng làm cho sự vật thêm sinh động, gần gũi với con người hơn.*  - Đoạn b nhà văn Đoàn Giỏi miêu tả cảnh sông nước nào ?  - Con kênh được quan sát ở thời điểm nào trong ngày ?  - Tác giả nhận ra đặc điểm của con kênh chủ yếu bằng giác quan nào ?  - Tác giả miêu tả đặc điểm nào của con kênh?  ***- Thủy ngân :*** kim loại lỏng, trắng như bạc  - Liên tưởng để miêu tả con kênh có tác dụng gì ?  - Chốt từ liên tưởng : *đỏ lửa, phơn phớt màu đào, dòng thủy ngân cuồn cuộn, loá mắt*  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài. Lập dàn ý  - Chú ý : trình tự xa đến gần  cao đến thấp  Thời gian : sáng đến chiều qua các mùa  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng:(2 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Về nhà viết thành bài văn hoàn chỉnh.  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Toán***

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** HS biết tính diện tích của hình đã học.

***-*** Giải các bài toán có liên quan đến diện tích.

***-*** HS cả lớp hoàn thành bài 1 và bài 2.

**2. Năng lực*:***

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK, Bảng phụ,..

- HS : SGK, bảng con...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:(3 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS tổ chức trò chơi "Bắn tên" với các phép tính sau:  40000m*2* = ... ha 2600ha = ...km2  700000m*2* = .... ha 19000ha = ...km2  - Nhận xét  - Học sinh lắng nghe  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành: (30 phút)** | |
| - 1 HS đọc đề, lớp theo dõi.  - HS làm vở, chia sẻ kết quả trước lớp  *Giải*  Diện tích nền căn phòng là:  9 x 6 = 54(m2)  54m2 = 540 000cm2  Diện tích của một viên gạch là :  30 x 30 = 900 (cm2)  Số viên gạch dùng để lát kín nền căn phòng là:  540 000 : 900 = 600 (viên)  Đáp số: 600 viên gạch  - 1 HS đọc, lớp theo dõi.  - 1 HS làm bảng, lớp làm vở.  *Giải*  a) Chiều rộng của thửa ruộng là:  80 : 2 = 40 (m)  Diện tích thửa ruộng là:  80 x 40 = 3200(cm2)  b) 100m2 : 50kg  3200m2 : ?kg  3200m2 gấp 100m2 số lần là:  3200 : 100 = 32 (lần)  Số thóc thu được là:  50 x 32 = 1600 (kg)  1600 kg = 16 tạ  Đáp số: a) 3200m2  ; b) 16 tạ. | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu học sinh đọc đề.  - Yêu cầu học sinh tự làm, chia sẻ  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi học sinh đọc đề toán.  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - GV hướng dẫn học sinh còn hạn chế về KT-KN làm bài.  - Nhận xét |
| **3. Hoạt động vận dụng:(3 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Vận dụng kiến thức làm bài tập sau: *Diện tích của một Hồ Tây là 440 ha, diện tích của Hồ Ba Bể là 670 ha. Hỏi diện tích của Hồ Ba Bể hơn diện tích của Hồ Tây là bao nhiêu mét vuông?*  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Khoa học***

**PHÒNG BỆNH SỐT RÉT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức*:***

***-*** Biết nguyên nhân và cách phòng tránh bệnh sốt rét .

***-*** Có ý thức bảo vệ mình và những người trong gia đình phòng chống sốt rét. Tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện ngăn chặn và tiêu diệt muỗi.

- HS biết nguyên nhân, và cách phòng tránh bệnh sốt rét.

- GD BVMT: Có ý thức BVMT chính là BV con người.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình vẽ trong SGK/26,27 , tranh vẽ “Vòng đời của muỗi A-nô-phen” phóng to.

- HS: SGK, vở

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | | |
| - Cả lớp hát.  - HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi:  + Thuốc kháng sinh là gì ?  + Kể tên một số loại thuốc kháng sinh mà bạn biết ?  + Sử dụng kháng sinh bừa bãi gây ra những tác hại gì đối với sức khỏe con người ?  + Để đề phòng bệnh còi xương ta cần phải làm gì ?  - Nhận xét  - HS nghe  - HS nghi bảng | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Bài mới “Phòng bệnh sốt rét” | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (27** **phút)** | | |
| - HS tiến hành chơi  - HS trả lời  a) Dấu hiệu bệnh: 2-3 ngày xuất hiện cơn sốt. Lúc đầu là rét run, thường kèm nhức đầu, người ớn lạnh. Sau rét là sốt cao, người mệt, mặt đỏ, có lúc mê sảng, sốt kéo dài nhiều giờ. Sau cùng, người bệnh ra mồ hôi, hạ sốt.  b) Gây thiếu máu, bệnh nặng có thể gây chết người.  c) Bệnh do một loại kí sinh trùng gây ra.  d) Đường lây truyền: do muỗi A-no-phen hút kí sinh trùng sốt rét có trong máu người bệnh rồi truyền sang người lành.  - Nhận xét  \* Hoạt động nhóm, cá nhân (Nhóm trưởng điều khiển)  - HS quan sát  - 1 HS mô tả đặc điểm của muỗi A-no-phen, 1 HS nêu vòng đời của nó (kết hợp chỉ vào tranh vẽ).  - Nhận xét  \* Hoạt động nhóm bàn tìm hiểu nội dung thể hiện trên hình vẽ.  - HS đính câu trả lời ứng với hình vẽ.  - Nhắc lại ghi nhớ SGK trang 27 | **\* Hoạt động 1: Trò chơi “Em làm bác sĩ”**  - GV tổ chức cho HS chơi trò “Em làm bác sĩ”, dựa theo lời thoại và hành động trong các hình 1, 2 trang 26.  - Qua trò chơi, yêu cầu HS cho biết:  a) Một số dấu hiệu chính của bệnh sốt rét?  b) Bệnh sốt rét nguy hiểm như thế nào?  c) Nguyên nhân gây ra bệnh sốt rét?  d) Bệnh sốt rét được lây truyền như thế nào?  - GV nhận xét, chốt: Sốt rét là một bệnh truyền nhiễm, do kí sinh trùng gây ra. Ngày nay, đã có thuốc chữa và thuốc phòng sốt rét.  **\* Hoạt động 2: Quan sát, thảo luận**  - GV treo tranh vẽ “Vòng đời của muỗi A-no-phen” phóng to lên bảng.  - Mô tả đặc điểm của muỗi A-no-phen? Vòng đời của nó?  - Để hiểu rõ hơn đời sống và cách ngăn chặn sự phát triển sinh sôi của muỗi, các em cùng tìm hiểu nội dung tiếp sau đây:  - GV đính 4 hình vẽ SGK/27 lên bảng. HS thảo luận nhóm bàn “Hình vẽ nội dung gì?”  - GV gọi một vài nhóm trả lời , các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  - GV nhận xét chung: Các phòng bệnh sốt rét tốt nhất là giữ vệ sinh nhà ở và môi trường xung quanh. | |
| **3.Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | | |
| - HS nêu | - Ở địa phương em có xảy ra bệnh sốt rét không ? Nếu có thì địa phương em đã áp dụng biện pháp nào để phòng chống ?  - Nhận xét tiết dạy | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Địa lí***

**ĐẤT VÀ RỪNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

***-*** Biết các loại đất chính ở nước ta: đất phù sa và đất phe-ra-lít .

***-*** Nêu được mốt số đặc điểm của đất phù sa và đất phe-ra-lít:

+ Đất phù sa: được hình thành do sông ngòi bồi đắp, rất màu mỡ; phân bố ở đồng bằng.

+ Đất phe-ra-lít: Có màu đỏ hoặc đỏ vàng, thường nghèo mùn, phân bố ở vùng đồi núi.

- Phân biệt được rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn.

+ Rừng rậm nhiệt đới: cây cối rậm, nhiều tầng.

+ Rừng ngập mặn: có bộ rễ nâng khỏi mặt đất.

- Nhận biết nơi phân bố của đất phù sa, đất phe-ra-lít của rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn trên bản đồ (lược đồ): đất phe-ra-lít và rừng rậm nhiệt đới phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi; đất phù sa phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng; rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở vùng đất thấp ven biển.

- Biết một số tác dụng của rừng đối với đời sống sản xuất của nhân dân ta: điều hoà khí hậu, cung cấp nhiều sản vật, đặc biệt là gỗ .

- Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ và khai thác đất, rừng một cách hợp lý.

- Một số biện pháp bảo vệ rừng: Không chặt phá, đốt rừng, …

- Nêu được vai trò thiên nhiên đối với con người. Trình bày một số vấn đề về môi trường. Đề xuất biện pháp xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp.

**2. Năng lực*:***

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam. GD bảo vệ môi trường : HS nắm được đặc điểm về môi trường tài nguyên và khai thác tài nguyên.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV:

**+** Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.

+ Lược đồ phân bố rừng Việt Nam các hình minh hoạ SGK.

+ Sưu tầm thông tin về rừng Việt Nam.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | | | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | | | |
| - Lớp trưởng điều khiển  - Cho học sinh tổ chức trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi sau:  + Nêu vị trí và đặc điểm của vùng biển nước ta?  + Biển có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất của con người?  + Kể tên và chỉ trên bản đồ một số bãi tắm khu du lịch biển nổi tiếng nước ta?  - Học sinh chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở | | - GV nhận xét  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(30 phút)** | | | |
| - HS đọc SGK hoàn thành sơ đồ về các loại đất chính ở nước ta.  - Trình bày kết quả  - Một số HS trình bày kết quả làm việc.  - Một vài em chỉ trên bảng đồ: Địa lí tự nhiên Việt Nam, vùng phân bố hai loại đất chính ở nước ta .  - Bón phân hữu cơ, làm ruộng bậc thang, thay chua rửa mặn, đóng cọc đắp đê... để đất không bị sạt lở. - Bạc mầu, xói mòn, nhiễm phèn, nhiễm mặn...  - HS quan sát H1,2,3 đọc SGK và hoàn thành bài tập.  - 2 loại rừng: rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn.  - Vùng đồi núi: Đặc điểm: Nhiều loại cây rừng nhiều tầng có tầng cao thấp.  - Vùng đất ven biển có thuỷ triều lên xuống hàng ngày: Đặc điểm chủ yếu là cây sú vẹt... cây mọc vượt lên mặt nước.  - HS chỉ.  - HS đọc SGK thảo luận nhóm tìm câu hỏi.  - Rừng cho nhiều sản vật nhất là gỗ.  - Rừng có tác dụng điều hoà khí hâu, giữ đất không bị xói mòn, rừng đầu nguồn hạn chế lũ lụt, chống bão...  - Tài nguyên rừng có hạn; vì thế không khai thác bừa bãi làm cạn kiệt tài nguyên; ảnh hưởng đến môi trường  - Học sinh nêu.  - Giao đất, giao rừng cho dân, tăng cường lực lượng bảo vệ, giáo dục ý thức cho mọi người... | | | ***\*Hoạt động1:*** *Các loại đất chính ở nước ta.*  - Yêu cầu HS đọc SGK hoàn thành sơ đồ về các loại đất chính ở nước ta  - Giáo viên nhận xét, sửa chữa.  - GV nêu: Đất là nguồn tài nguyên quí nhưng chỉ có hạn; việc sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ cải tạo.  - Nêu một vài biện pháp bảo vệ và cải tạo đất.  - Nếu chỉ sự dụng mà không bảo vệ cải tạo thì sẽ gây cho đất các tác hại gì?  - GV tóm tắt nội dung ; rút ra kết luận.  ***\*Hoạt động 2****: Rừng ở nước ta.*  - HS quan sát hoàn thành bài tập.  - Yêu cầu học sinh trả lời :  + Nước ta có mấy loại rừng ? Đó là những loại rừng nào?  + Rừng rậm nhiệt đới được phân bố ở đâu có đặc điểm gì?  + Rừng ngập mặn được phân bố ở đâu? Có đặc điểm gì?  - Yêu cầu học sinh chỉ vùng phân bố rừng râm nhiệt đới và rừng ngập mặn trên lược đồ.  - GV nhận xét, sửa chữa.  - GV rút ra kết luận  ***\*Hoạt động 3:*** *Vai trò của rừng.*  - Chia nhóm 4: thảo luận trả lời.  - Vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất của con người?  - Vì sao phải sự dụng và khai thác rừng hợp lý.  - Nêu thực trạng rừng nước ta hiện nay?  - Nhà nước và địa phương làm gì để bảo vệ? |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (2 phút)** | | | |
| - HS nghe  - HS nghe và thực hiện | - GV liên hệ thực trạng đất và rừng hiện nay trên cả nước.  - Liên hệ về việc sử dụng đất trồng trọt và đất ở hiện nay ở địa bàn nơi em ở | | |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 15 tháng 10 năm 2021**

***Toán***

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết so sánh phân số, tính giá trị của biểu thức với phân số.

- Giải bài toán, tìm hai số biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

- HS cả lớp làm được bài 1, bài 2 (a ,d ) , bài 4.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: SGK, Bảng phụ

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cả lớp hát  - HS tổ chức chơi trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" với nội dung: Hãy xếp các phân số sau theo thứ tự từ lớp đến bé:  a) ; ; ;  b) ; ; ;  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát, theo dõi  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động thực hành:(27 phút)** | |
| - 1 HS đọc, lớp đọc thầm SGK.  - So sánh các phân số đó.  - HS nêu  - HS làm vở, 2HS lên bảng chia sẻ cách làm  a)  b)xếp nên  - HS đọc  - 4 HS nêu, lớp nhận xét  - 1 HS nêu.  - HS làm vở (chú ý rút gọn)  a)  d)  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận, tìm cách giải và giải bài toán sau đó chia sẻ kết quả  - Thuộc dạng toán tìm 2 số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.  - HS làm vở, chia sẻ kết quả  *Giải*  Hiệu số phần bằng nhau:  4 -1 = 3 (phần)  Tuổi con là:  30: 3 = 10 (tuổi)  Tuổi bố là:  10 + 30 = 40 (tuổi)  Đáp số: 10 tuổi  40 tuổi | **Bài 1: HĐ cá nhân**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - Để xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn ta phải làm gì?  - Hãy nêu cách so sánh các phân số?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, kết luận    **Bài 2(a,d): HĐ cá nhân, cả lớp**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Gọi HS nêu cách cộng trừ, nhân, chia phân số.  - Nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 4:** **HĐ nhóm**  - Cho HS thảo luận nhóm làm bài, báo cáo kết quả  - Bài toán thuộc dạng toán gì?  - GV nhận xét, kết luận |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)** | |
| - HS nghe và thực hiện | - Cho HS về nhà vận dụng kiến thức làm bài sau:  *Hình chữ nhật có chiều dài bằng 3/2 chiều rộng. Nếu tăng chiều rộng 20m thì hình chữ nhật trở thành hình vuông. Tính diện tích của hình chữ nhật ?*  - Nhận xét tiết học |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ**

**SINH HOẠT LỚP**

**I. MỤC TIÊU::**

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.

- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

- Sinh hoạt theo chủ điểm.

**II. CHUẨN BỊ:**

* Bảng phụ viết sẵn kế hoạch tuần tới.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động học tập của HS** | **Hoạt động tổ chức, hướng dẫn**  **của GV** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **-** Lớptrưởng lên điều hành:  - Cả lớp cùng thực hiện.  **2. Nội dung sinh hoạt:**  - HS lắng nghe và trả lời.  **b. Tiến hành sinh hoạt:**  **\*Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần**  - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm:  - Nề nếp:  - Học tập:  - Vệ sinh:  - Hoạt động khác  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - Mời lớp phó báo cáo  - Lớp trưởng báo cáo,nhận xét tuần qua  - Mời GVCN nhận xét, đánh giá  - HS lắng nghe.  **\*Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần**  - HS trả lời  - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo phương hướng tuần 7  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS nhắc lại kế hoạch tuần  - LT điều hành  + Tổ 1 Kể chuyện  + Tổ 2 Hát  + Tổ 3 Đọc thơ  **3. Tổng kết:**  - Cả lớp cùng hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kêt” | - Quan sát  - Giới thiệu, ghi bảng  - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu.  1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua.  2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau.  3. Sinh hoạt theo chủ điểm  - Lắng nghe  - Nhận xét, đánh giá, tuyên dương  - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo luận, bàn bạc và đưa ra những việc cần làm trong tuần tới (TG: 5P)  - GV ghi tóm tắt kế hoạch lên bảng hoặc bảng phụ  - Nề nếp: Duy trì và thực hiện tốt mọi nề nếp  - Học tập:  + Lập thành tích trong học tập  + Chuẩn bị bài trước khi tới lớp.  - Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân, lớp học, khu vực tư quản sạch sẽ.  - Hoạt động khác  + Chấp hành luật ATGT  + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh lớp học, khu vực sân trường.  - Tiếp tục trang trí lớp học  - Hưởng ứng tuần lễ *Học tập suốt đời*  **\*Hoạt động 3: Sinh hoạt theo chủ điểm**  - GV mời LT lên điều hành:    - GV chốt nội dung, chuẩn bị cho tiết sinh hoạt theo chủ điểm tuân sau. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy** (nếu có)

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................